

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK



D R I

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Buôn Ma Thuột, tháng 5 năm 2018



Số: 32/QĐ-CT

TP. Buôn ma Thuột, ngày 23 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

“V/v ban hành Quy chế Công bố Thông tin”

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2015;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 24/2/2012;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP Hướng dẫn về Quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 Hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 15 tháng 5 năm 2018 về việc Thông qua Quy chế Công bố thông tin Công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành *“Quy chế Công bố thông tin Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk”* (đính kèm).

Điều 2: Công ty Cổ phần Đầu tư cao su Đắk Lắk, Người nội bộ, Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin được định nghĩa tại Điều 2 của Quy chế này chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3: Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ ký.

Nơi nhận: Thư

- Đăng Web DRI;

- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Nguyễn Việt Cường

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	2
CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Căn cứ pháp lý	2
Điều 2. Giải thích từ ngữ	2
Điều 3. Đối tượng áp dụng	3
Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin	3
Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin	4
Điều 6. Phương tiện công bố thông tin	5
Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin	6
CHƯƠNG II	6
CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY	6
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK	6
Điều 8. Công bố thông tin định kỳ	6
Điều 9. Công bố thông tin bất thường	9
Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu	11
Điều 11. Công bố thông tin khi niêm yết trái phiếu doanh nghiệp	12
Điều 12. Công bố thông tin khi phát hành trái phiếu doanh nghiệp	12
CHƯƠNG III	12
CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	12
THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN	12
Điều 13. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn	12
Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Tổng công ty và người có liên quan của người nội bộ	13
Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai	14
Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ	14
CHƯƠNG IV	14
TỔ CHỨC THỰC HIỆN, HIỆU LỰC THI HÀNH	14
Điều 17. Trách nhiệm của người được ủy quyền công bố thông tin	14
Điều 18. Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng ban trong việc cung cấp thông tin cho người được ủy quyền công bố thông tin	15
Điều 19. Tổ chức thực hiện- Xử lý vi phạm	15
Điều 20. Hiệu lực thi hành	15

QUY CHẾ

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/QĐ-CT ngày 23/5/2018
của HĐQT Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk)

CHƯƠNG I

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ pháp lý

1. Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
2. Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
3. Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 về Hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng cho Công ty đại chúng;
4. Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, ngày 10/4/2018.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin gồm:

- a. Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty DRI và người có liên quan của người nội bộ;
- b. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty; cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng;
- c. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Công ty;
- d. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu DRI.

2. Người nội bộ của Công ty là.

- a. Thành viên Hội đồng quản trị;

- b. Thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, kế toán trưởng, người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin hoặc các chức danh tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết các giao dịch theo quy định của điều lệ Công ty;
3. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 điều 5 của quy chế này,
4. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán nhà nước, sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.
5. Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết là số cổ phiếu có quyền biểu quyết đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.
6. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng là tổ chức kiểm toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định tại khoản 2 điều 4 Thông tư 183/2013/TT-BTC về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng.
7. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:
- a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua sở giao dịch chứng khoán;
 - b) Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua sở giao dịch chứng khoán.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

- ✓ Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk (DRI);
- ✓ Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin có liên quan đến cổ phiếu DRI theo quy định tại mục 1 điều 2 của quy chế này.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin.

- 1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật và đảm bảo:
 - a. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;
 - b. Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, đối tượng công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24h kể từ khi nhận biết được sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán;
 - c. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số thẻ căn cước công dân, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú,

số điện thoại, số fax, số email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

2. Các đối tượng quy định tại điều 3 quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công bố thông tin.
3. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:
 - Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản(nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;
 - Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu 05 năm;
4. Ngôn ngữ thông tin công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty là tiếng Việt, có thể sử dụng cả tiếng Việt và tiếng Anh, lúc này nội dung công bố thông tin bằng tiếng Anh chỉ mang tính chất tham khảo;

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin.

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - a) Chủ tịch HĐQT có quyết định bằng văn bản ủy quyền cho 01 người thực hiện công bố thông tin;
 - b) Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Chủ tịch HĐQT và người được ủy quyền đều vắng mặt thì Chủ tịch HĐQT sẽ ủy quyền cho 01 cán bộ quản lý công ty chịu trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin;
 - c) Người được ủy quyền công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT và pháp luật về những nội dung được ủy quyền về công bố thông tin;
 - d) Công ty phải đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin cùng với bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC n cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực;
2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho một tổ chức hoặc một cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:
 - a) Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin theo phụ lục số 03 ban

hành theo Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi nội dung trong Bản cung cấp Thông tin nêu trên;

- b) Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người liên quan(nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin để người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật;
- c) Nhà đầu tư cá nhân đăng ký, đăng ký lại người được ủy quyền công bố thông tin theo phụ lục số 02 ban hành theo Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính cùng Bản cung cấp thông tin của Nhà đầu tư cá nhân đó và của người được ủy quyền công bố thông tin theo phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC cho Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin.

1. Các phương tiện công bố thông tin gồm:

- a. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
- b. Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- c. Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán;
- d. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử,...)

2. Công ty lập trang thông tin điện tử và thường xuyên cập nhật việc công bố thông tin theo quy định.

- a. Công ty báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc ngày thay đổi về trang thông tin điện tử này.
- b. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố điều lệ công ty, quy chế quản lý nội bộ, bảng cáo bạch(nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu của Pháp luật;
- c. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử

3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin.

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, ..). Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Điều 8. Công bố thông tin định kỳ.

1. Báo cáo tài chính năm: Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo nguyên tắc sau:

- a. Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định về pháp luật kế toán doanh nghiệp;
Báo cáo tài chính năm của Công ty bao gồm báo cáo tài chính năm của Công ty mẹ và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
- b. Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, công ty phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Công ty;
- c. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính;
Đối với báo cáo tài chính năm hợp nhất đã được kiểm toán công ty thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 8 Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Báo cáo tài chính bán niên:

Công ty công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

- a. Báo cáo tài chính bán niên là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo chuẩn mực kế toán “ Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 6 tháng đầu năm tài chính của Công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo chuẩn mực về công tác soát xét Báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Công

ty trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;

- b. Công ty công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính;
- c. Đối với báo cáo tài chính bán niên hợp nhất đã được soát xét công ty thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

3. Báo cáo tài chính quý:

Công ty công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có)

- a. Báo cáo tài chính quý là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo chuẩn mực kế toán “ Báo cáo tài chính giữa niên độ” được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 điều này. Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét(nếu có) phải được công bố đầy đủ kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính được soát xét(nếu có) có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;
- b. Công ty công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công ty công bố báo cáo tài chính quý được soát xét(nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét.
Đối với báo cáo tài chính quý hợp nhất đã được kiểm toán, công ty thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

4. Khi công bố thông tin báo cáo tài chính nêu tại khoản 1,2,3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với Báo cáo cùng kỳ năm trước;
- b. Lợi nhuận trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển lãi của kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- c. Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;
- d. Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán soát xét từ 5% trở lên.

5. Công ty giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Báo cáo thường niên:

Công ty lập Báo cáo thường niên theo phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính và công bố báo cáo này chậm nhất 20 ngày sau ngày Công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm trước được kiểm toán.

7. Báo cáo tình hình quản trị công ty:

Định kỳ 6 tháng và năm, Công ty công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính. Thời hạn công bố thông tin báo cáo quản trị công ty chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

8. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông tối thiểu **20** ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Chậm nhất **15** ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông;

Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này cho tới khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông.

Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được công bố theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Quy chế này.

9. Công bố thông tin về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn:

a. Khi thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng. Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán.

b. Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 6 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền đã huy động được, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng **10** ngày kể từ ngày ra quyết định thay đổi các nội dung này, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử của Công ty. Mọi thay đổi phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp Công ty chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp.

10. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Công ty công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, của Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 9. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty công bố thông tin bất thường trong thời hạn **24h**, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

- a. Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính công ty;
- b. Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; thay đổi thông tin trong bản cáo bạch sau khi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán;
- c. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu(trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
- d. Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;
- e. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức, quyết định tách, gộp cổ phiếu;
- f. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp(chia, tách, hợp nhất, sát nhập doanh nghiệp), giải thể công ty; thay đổi tên công ty; con dấu công ty, thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- g. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng(trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định của pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán(sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính(nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;
- h. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy văn phòng đại diện;
- i. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;

- j. Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;
- k. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của Công ty thông qua Công ty chứng khoán, Công ty công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;
- l. Khi nhận được giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động của Công ty được sửa đổi, bổ sung;
- m. Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, Công ty gửi cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết/giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính;
- n. Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;
- o. Khi nhận được bản án, quyết định của tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế;
- p. Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, Công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;
- q. Công ty nhận được thông báo của tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
- r. Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;
- s. Quyết định tăng giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;
- t. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài;

- u. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;
2. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
- Việc công bố thông tin về Đại hội cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 8 điều 8 Quy chế này;
 - Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.
3. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.
- Công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước đồng thời công bố thông tin chậm nhất **10 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (Nhận cổ tức) và chậm nhất 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng (Tham dự ĐHĐCĐ).
5. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:
- Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;
 - Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, Công ty công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;
 - Sau khi chia, tách, sát nhập, Công ty là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sát nhập công bố báo cáo tài chính khi bị chia, tách, sát nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty công bố thông tin trong vòng 24h kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết:

- Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng đến giá chứng khoán và cần phải xác minh thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 11. Công bố thông tin khi niêm yết trái phiếu doanh nghiệp

Khi niêm yết trái phiếu doanh nghiệp, công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại điều 8, điều 9, điều 10 Quy chế này

Điều 12. Công bố thông tin khi phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

1. Khi phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng, Công ty thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu ra công chúng.

2. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu, cụ thể như sau:

- a) Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm, báo cáo thường niên theo quy định tại khoản 1 và khoản 6 điều 8 Quy chế này.
- b) Trường hợp chào bán trái phiếu ra công chúng để huy động vốn cho các dự án đầu tư cụ thể đã xác định, định kỳ 6 tháng kể từ tháng có ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án hoặc khi đã giải ngân hết số tiền đã huy động. Công ty phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo (định kỳ 06 tháng). Công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận.
- c) Công bố thông tin bất thường theo quy định tại điểm a, b, f, h và q khoản 1 điều 9 Quy chế này và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân giải pháp khắc phục nếu có.
- d) Trường hợp có sự thay đổi mục đích sử dụng vốn so với nội dung đã nêu tại bản cáo bạch, Công ty phải công bố thông tin về lý do và quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về sự thay đổi đó trong vòng 24h, kể từ khi có quyết định về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn.
- e) Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, Công ty phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi chậm nhất 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu.
- f) Công bố thông tin theo yêu cầu thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

CHƯƠNG III

**CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ
THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Điều 13. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho Công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư

155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1%(kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm..) phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Công ty trong thời hạn 07 ngày, kể từ khi có sự thay đổi trên theo phụ lục số 07 ban hành theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.
3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1, khoản 2 điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 7, điều 2 Quy chế này.
4. Quy định tại khoản 1,2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.
5. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Tổng công ty và người có liên quan của người nội bộ.

1. Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là **03 ngày làm việc**, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi..) theo phụ lục 10 hoặc phụ lục số 11 ban hành theo Thông tư 155/2015/TT-BTC. Thời hạn thực hiện giao dịch **không quá 30 ngày** kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau **24h** kể từ khi có công bố thông tin từ Sở giao dịch chứng khoán.
Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty trong cùng 1 đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.
2. Trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của đối tượng này phải báo cáo cho Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Công ty về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký(nếu có) theo phụ lục số 12 hoặc phụ lục số 13 ban hành kèm theo thông tư 155/2015/TT-BTC.
Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1,2 Điều này.
4. Trường hợp người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn thì phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
5. Trường hợp Công ty mẹ của Công ty (nếu có) hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên,...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ tại khoản 1,2,3 Điều này.
6. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai.

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và Công ty bị chào mua phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

Trường hợp giao dịch cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính công ty, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN, HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 17. Trách nhiệm của người được ủy quyền công bố thông tin

1. Người được ủy quyền công bố thông tin là đầu mối thu nhập các thông tin và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Quy chế này.
2. Chức năng và nhiệm vụ của người được ủy quyền công bố thông tin:
 - a) Trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng, miễn cưỡng, hiểu biết về tình hình hoạt động của Công ty;
 - b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ
 - c) Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định.
 - d) Chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, nhà đầu tư và những người có quyền lợi liên quan theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty

- e) Chịu trách nhiệm xây dựng Báo cáo thường niên hàng năm của Công ty để thực hiện công bố thông tin theo quy định.
- f) Kế toán trưởng Công ty chịu trách nhiệm công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm, bán niên, quý và các giải trình(nếu có) theo quy định
3. Điều chỉnh thông tin công bố:

Trường hợp sau khi thực hiện công bố thông tin, Công ty nhận được các ý kiến phản hồi về tính chính xác và đầy đủ các thông tin công bố, người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và bổ sung, sửa đổi(nếu có) các thông tin đó trong vòng 48h, kể từ khi nhận được ý kiến phản hồi. Thực hiện công bố bổ sung/đính chính các thông tin theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng ban trong việc cung cấp thông tin cho người được ủy quyền công bố thông tin.

1. Người được ủy quyền công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đôn đốc các bộ phận chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung quy chế này.
Trưởng các bộ phận chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người được ủy quyền công bố thông tin
Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định tại điều 9,10 Quy chế này. Trưởng các bộ phận chức năng(nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin cho người được ủy quyền công bố thông tin trong vòng **12 giờ** kể từ khi xảy ra sự kiện.
2. Người được ủy quyền công bố thông tin tổng hợp các thông tin, kiểm tra và phân công việc công bố thông tin theo quy định.
3. Người được ủy quyền công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Chủ tịch HĐQT(người ủy quyền) kết quả thực hiện.

Điều 19. Tổ chức thực hiện- Xử lý vi phạm

Công ty công bố Quy chế công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trước khi thực hiện;

Quy chế công bố thông tin được phổ biến đến toàn thể các ban, bộ phận và cán bộ công nhân viên của Công ty;

Đơn vị, cá nhân thuộc Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật và bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Quy chế công bố thông tin này gồm 4 chương, 20 điều có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2018. *thul*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Tường